TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/DS-ST
Ngày 13-4-2022
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm
2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Là Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thơi: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 02 và ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 252/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1981; Trú tại: Khóm 5, phường H, thị xã G, tỉnh B (có mặt).
- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1984; Trú tại: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C . (vắng mặt).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Trung D, sinh năm 1960; Trú tại: Ấp Bà Đ, xã L, thành phố C, tỉnh C (vắng mặt).
2. Anh Mai Văn Vủ P, sinh năm 1986, Trú tại: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
3. Anh Trần Văn T1, sinh năm 1985; Trú tại: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990; Trú tại: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
5. Chị Trương Thu L, sinh năm 1985; Trú tại: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).

6. Công ty B; Địa chỉ: Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố C, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 02/9/2020 tại tuyến lộ nhựa thuộc khóm 5, thị trấn T thì xãy ra tai nạn giao thông giữa xe ô tô tải BKS: 69C-021.99 do Nguyễn Văn N điều khiển lưu thông theo hướng từ C đi hướng thị trấn S. Khi lưu thông đến đoạn lộ thuộc khóm 5, thị trấn T thì va chạm với xe ô tô tải BKS: 94C-055.93 do Mai Văn Vủ P điều kiển lưu thông theo hướng ngược lại. Khi xãy ra tại nạn giao thông Công an huyện T có lập biên bản, sau khi sự việc xãy ra tai nạn giao thông các bên giải quyết bằng thỏa thuận, anh Phan Văn Đ xác định xe ô tô tải BKS: 69C-021.99 do Nguyễn Văn N là thuộc sở hữu của Đ và đồng ý chịu toàn bộ chi phí sửa xe cho bà, tuy nhiên đến nay chưa khắc phục chi phí sửa xe cho bà, anh Đ tự nguyện thỏa thuận nếu xe bị hư, chưa sửa chữa xong dẫn đến không hoạt động đươc thì mỗi tháng Đ phải đưa cho bà 30.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn N (Nguyên do Phan Văn Đ thuê làm tài xế chạy xe cho Đ) đã tự nguyện khắc phục cho bà 30.000.000 đồng, số tiền Công ty B đã chi trả bảo hiểm cho bà 100.000.000 đồng.

Do xe ô tô tải BKS: 69C-021-99 ông Phan Trung D là người đứng tên hợp pháp, anh Đ là người quản lý trực tiếp, do đó bà yêu cầu ông D và anh Đ phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà tiền sửa chửa xe 62.954.000 đồng và 30.000.000 đồng là khoảng tiền đền bù trong thời gian bà ngưng hoạt động.

- Bị đơn anh Phan Văn Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà nguyên đơn.

- Anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh Phan Văn Đ có thuê anh chạy xe tải biển kiểm soát số 69C-021.99 chạy tuyến S đi Thành phố H và ngược lại, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập hợp đồng, mỗi chuyến đi và về Đ trả công cho anh 1.100.000 đồng, anh chạy xe cho Đ được khoảng 04 năm, tuyến chạy xe là cố định, anh có trách nhiệm chạy xe về đậu ở bến thị trấn S.

Đến ngày 02/9/2020 trên tuyến đường chuyển hàng về từ Thành phố H đi thị trấn S về tới khóm 5, thị trấn T, huyện T thì xãy ra tai nạn giao thông với xe ô tô tải mang BKS: 94C-055.93 do Mai Văn Vủ P điều khiển, nguyên nhân xãy ra tai nạn giao thông do anh chạy lấn tuyến. Sau khi xãy ra tai nạn giao thông Công an huyện T có lập biên bản, sau khi tai nạn xãy ra anh tự nguyện khắc phục thiệt hại cho chị T số tiền 30.000.000 đồng.

- *Ông Phan Trung D trình bày:*

Khoảng năm 2019 ông có mua lại của anh Trần Văn T 01 chiếc xe tải mang biển kiểm soát số 69C-021.99 do Trần Văn T đứng tên chủ sở hữu xe, hai bên có lập hợp đồng mua bán xe tại Phòng công chứng Lê Thành H, nhưng chưa chuyển tên qua cho ông.

Do Phan Văn Đ là cháu của ông nên ông có giao khoán cho Đ xe ô tô tải mang biển kiểm soát 69C-021.99, hàng tháng Đ trả cho ông 15.000.000 đồng. Việc Đ chạy xe và thuê N làm tài xế chạy xe cho Đ thì ông không nắm rõ. Sự việc xãy ra tại nạn giao thông ngày 02/9/2020 giữa xe tải mang biển kiểm soát 69C-021.99 do N điều khiển với xe tải biển kiểm soát 94C-055.93 do Mai Văn Vủ P điều khiển. Sau khi xãy ra tai nạn giao thông ông có đến Công ty B để làm thủ tục chi trả tiền bảo hiểm cho T số tiền 100.000.000 đồng, Nguyễn Văn N đã chi trả cho T 30.000.000 đồng.

Việc ông giao khoán xe cho Đ có làm hợp đồng nhưng không có công chứng.

- Công ty B trình bày:

Xe ô tô mang biển kiểm soát 69C-021.99 ông Phan Trung D mua lại của ông Trần Văn T1 (chưa sang tên) có tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc tại Công ty B theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001195524, thời hạn từ 09 giờ ngày 06/02/2020 đến 09 giờ ngày 06/02/2021 với mức trách nhiệm dân sự về tài sản 100.000.000 đồng/vụ.

Ngày 02/9/2020 xe ô tô mang biển kiểm soát 69C-021.99 xảy ra va chạm với xe ô tô mang biển kiểm soát 94C-055.93 tại khóm 5, thị trấn T, huyện T. Sau đó xe mang biển kiểm soát 94C- 055.93 được đưa đến Công ty TNHH MTV Đ để sửa chửa.

Căn cứ vào hồ sơ tai nạn giao thông do Công an huyện T lập, hồ sơ chứng từ có liên quan, Công ty B đã chi trả bồi thường Trách nhiệm dân sự bắt buộc cho chủ xe ô tô mang biển kiểm soát 69C.021.93 theo mức trách nhiệm bồi thường 100.000.000 đồng/vụ vào tài khoản của ông Phạm Minh T tại Ngân hàng A vào ngày 09/3/2021 theo yêu cầu của chủ xe số 69C-021.99 để chi trả tiền sửa chửa xe cho xe mang biển kiểm soát số 94C-055.93. Phần chênh lệch giữa số tiền thiệt hại thực tế do hai bên tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ông D và anh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền 92.954.000 đồng (Trong đó chi phí sửa chữa xe 62.954.000 đồng và 30.000.000 đồng là khoảng tiền đền bù trong thời gian bà ngưng hoạt động).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về trình tự, thu thập chứng cứ và tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T, buộc ông Phan Trung D và anh Phan Văn Đ liên đới bồi thường cho bà T tổng số tiền 92.954.000 đồng (Trong đó chi phí sửa chữa xe 62.954.000 đồng và 30.000.000 đồng là khoảng tiền đền bù trong thời gian bà ngưng hoạt động ảnh hưởng đến thu nhập), án phí dận sự đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản theo quy định 584 Bộ luật dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Vắng mặt của đương sự:* Các đương sự anh Phan Văn Đ, ông Phan Trung D, anh Mai Văn Vủ P, anh Trần Văn T1, anh Nguyễn Văn N, chị Trương Thu L, Công ty B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 02/9/2020 tại tuyết lộ nhựa thuộc khóm 5 thị trấn T, huyện T, tỉnh C xãy ra vụ va chạm giao thông đường bộ giữa xe ô tô tải BKS: 69C-021.99 do anh Nguyễn Văn N điều khiển lưu thông theo hướng C đi thị trấn S với xe ô tô tải BKS: 94C-055.93 do Mai Văn Vủ P điều khiển đang lưu thông theo hướng ngược lại từ S đi C. Sau khi xãy ra tại nạn giao thông thì xe của bà T bị hư hỏng nặng, Công an giao thông huyện T tiến hành lập biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, khám nghiệm hiện trường, xác định nguyên nhân xãy ra tại nạn giao thông là do anh Nguyễn Văn N điều khiển xe ô tô tải BKS: 69-021.99 vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: *"Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ"*.

[2.2] *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Phan Văn Đ, anh Đ đã nhận và đã biết yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại vụ nạn giao thông tại Công an huyện T, Công an giao thông huyện T đã tiến hành làm việc và lấy lời khai của những người có liên quan là anh Phan Văn Đ thừa nhận là xe của Đ và thuê Nguyễn Văn N làm tài xế chạy xe cho Đ. Sau khi xãy ra tai nạn giao thông thì Đ cam kết tự nguyện bồi thường cho bà T toàn bộ chi phí sửa xe theo hóa đơn sửa chữa xe.

Mặt khác, người đứng tên chủ sở hữu xe ô tô tải BKS: 69C-021.99 là ông Trần Văn T1, nhưng ông T1 đã bán cho ông Phan Trung D theo Hợp đồng công chứng số 01432 ngày 09/8/2019 đã được Công chứng tại Phòng Công chứng L. Mặt dù xe mang BKS: 69-021.99 chưa chuyển tên qua cho ông D, nhưng theo quy định ông D là chủ sở hữu, sử dụng hợp pháp đối với xe BKS: 69C-021.99. Theo

ông D trình bày ông đã giao khoán cho Đ xe ô tô tải BKS: 69C-021.99, hàng tháng Đ trả cho ông 15.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng nhưng không có công chứng, chứng thực. Việc Đ thuê N làm tài xế chạy xe cho Đ thì ông không biết. Thấy rằng việc ông D cho rằng ông đã giao khoán xe cho Đ nhưng không cũng cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình, việc Đ là người quản lý trực tiếp xe ô tô tải gây tai nạn và thuê N chạy xe có trả tiền công là thực tế xãy ra phù hợp lời trình bày của N và quá trình giải quyết vụ việc tai nạn giao thông xãy ra. Như vậy ông D và anh Đ là người chiếm hữu, quản lý trực tiếp đối với tài sản gây thiệt hại nên phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định Điều 584, 585 và khoản 2 Điều 601 Bộ luật dân sự.

[2.3] *Thiệt hại thực tế xãy ra:* Sau khi tai nạn giao thông xãy ra, xe bà T bị hư hỏng và chi phí sửa chữa xe bị tai nạn tổng số tiền 162.954.000 đồng, Công ty B đã chi trả số tiền bảo hiểm dân sự 100.000.000 đồng, số tiền chi phí sửa chữa xe còn lại 62.954.000 đồng bà T yêu cầu anh Đ, và ông D phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên. Như phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc anh Đ, ông D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà T chi phí sửa chữa xe 62.954.000 đồng.

Đối với việc bà T yêu cầu ông D và anh Đ phải có trách nhiệm liên đới bồi thường tiền tổn thất thu nhập 30.000.000 đồng, do trong thời gian sửa chữa xe bị hư hỏng không hoạt động được. Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Hợp tác xã H xác định: Hợp tác xã H có hợp tác vận chuyển hàng hóa với chị Trương Thị T – chủ xe tải BKS 94C-055.93 từ năm 2018 đến nay mỗi tháng xe chị T vận chuyển hàng hóa của Hợp tác xã khoảng 30 tua, mỗi tua trả 3.000.000 đồng thanh toán bằng chuyển khoản. Như vậy, có đủ cơ sở xác định trong thời gian xe tải bà T bị tai nạn hư hỏng phải sửa chữa thời gian 45 ngày thì chị T bị thiệt hại mất thu nhập là thực tế có xãy ra. Do đó yêu cầu của chị Trạng yêu cầu anh Đ, ông D phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với số tiền anh N tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho bà T 30.000.000 đồng và số tiền Công ty B chi trả bảo hiểm cho chị T 100.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N và Công ty B không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời có căn cứ được chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Phan Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trung D phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 4.647.000 đồng theo quy định Điều 147

Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 601 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T.

Buộc anh Phan Văn Đ, ông Phan Trung D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị T số tiền 92.954.000 đồng (Chín mươi hai triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị T không phải chịu. Ngày 23/4/2021 bà T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 4.824.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0004894 được nhận lại.

Anh Phan Văn D, ông Phan Trung D phải chịu án phí sơ thẩm 4.647.000 đồng (chưa nộp);

Án xử sơ thẩm, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn Đ, ông Phan Trung D, anh Mai Vủ P, anh Trần Văn T1, anh Nguyễn Văn N, chị Trương Thu L và Công ty B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Len